

Bản án số: 105/2023/HS-PT
Ngày: 12/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Bà Trịnh Thị Thiện.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2023/TLPT-HS ngày 24/4/2023 đối với bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Thu H, do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HSST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1965; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: Lớp 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H1 (Đã chết); Con bà: Lê Thị M; Chồng: Trần Văn T; Con: Có 06 con, đứa lớn nhất sinh năm 1985, đứa nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 23/11/2022 được tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1971; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Viết T1 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị S; Chồng: Trần Văn T2; Con: Có 02 con, đứa lớn sinh năm 1994, đứa nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 17/01/2023 được tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Trần Xuân N; Tên gọi khác: L; sinh năm: 1959; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Lê Minh T3 - Luật sư thuộc Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, tầng A, nhà A13, tập thể Học viện Q, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1, Chị Nguyễn Thị Thúy H2; sinh năm: 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

2, Anh Trần Thế A; sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

Những người khác không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H là chủ sở hữu thửa đất số 18, tờ bản đồ QH, diện tích 160m², tại Vùng QH T, xã Đ, huyện Đ (nay là thị trấn Đ, huyện Đ) nhưng được ông Trần Thanh D, sinh năm 1961 và bà Trần Thị M1, sinh năm 1960 (cùng trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Đ) đứng tên hộ từ năm 2007. Đến năm 2008, Nguyễn Thị Thu H lúc này đi nước ngoài về, ông Trần Thanh D đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thanh D và bà Trần Thị M1 cho Nguyễn Thị Thu H quản lý nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Năm 2011, Trần Thị C là bạn của Nguyễn Thị Thu H hỏi mượn Hoài tiền để kinh doanh nhưng H không có tiền và nói có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cầm mượn để kinh doanh thì C đồng ý. Cả hai bên thống nhất sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H trước 20 ngày khi chồng H về nước (lúc đó đang đi nước ngoài), việc thỏa thuận chỉ thực hiện bằng miệng. Để thuận tiện cho việc Trần Thị C thế chấp vay tiền ngân hàng kinh doanh, Nguyễn Thị Thu H đã làm thủ tục sang tên từ ông Trần Thanh D và bà Trần Thị M1 sang cho Trần Thị C, Trần Văn T2 (nhưng thực tế vẫn là đất của Nguyễn Thị Thu H). Ngày 01/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 705723 cấp cho hộ ông, bà Trần Thị C, Trần Văn T2 thửa đất số 18, tờ bản đồ QH, diện tích 160m², có địa chỉ tại vùng QH T, xã Đ, huyện Đ (nay là thị trấn Đ, huyện Đ). Sau khi đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Trần Thị Thu H3 cho mượn, Trần Thị C đã thế chấp tại ngân hàng, lấy tiền kinh doanh.

Khoảng tháng 2/2016, ông Trần Xuân N, sinh năm 1959, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ có nhu cầu mua đất nên đã liên hệ với Nguyễn Thị Thu H, H giới thiệu cho ông Trần Xuân N thửa đất đang cho Trần Thị Cầm m và nói với ông N giá 425.000.000 đồng; hiện tại thửa đất đang cho Trần Thị Cầm m và đang thế chấp tại ngân hàng. Sau khi thỏa thuận, ông Trần Xuân N đồng ý mua thửa đất, Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ông N đặt cọc 50.000.000 đồng thì ông N đồng ý và đem số tiền 50.000.000 đồng đến giao cho Nguyễn Thị Thu H tại nhà vào khoảng tháng 2/2016 (việc giao nhận tiền có viết giấy và do H giữ). Tiếp đến Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ông Trần Xuân N giao số tiền 250.000.000 đồng nhằm mục đích đưa cho Trần Thị C để rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng ra làm thủ tục chuyển nhượng thì ông N đồng ý. Ông Trần Xuân N giao cho Nguyễn Thị Thu H số tiền 250.000.000 đồng và viết Giấy giao nhận tiền đề ngày 31/5/2016 nhưng thực tế là ngày 31/3/2016 trong

đó thể hiện “*Đã đặt cọc 50.000.000 đồng nay giao thêm 250.000.000 đồng để làm bì*” và được Nguyễn Thị Thu H ký và ghi đã nhận đủ số tiền. Đồng thời, Giấy biên nhận 50.000.000 đồng trước đó cũng được H hủy. Sau khi nhận đủ 300.000.000 đồng từ ông N, Nguyễn Thị Thu H đưa toàn bộ số tiền này đến cho Trần Thị C với mục đích để Trần Thị C rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất ông N mua) đang thế chấp tại Ngân hàng N2 & PTNT huyện Đ làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N như đã thỏa thuận và thông báo cho Trần Thị C đây là số tiền đã bán thửa đất đó cho ông N. Trong khoảng thời gian này, ông Trần Xuân N đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình nhưng do Trần Thị C đang thế chấp tại ngân hàng nên không thực hiện được. Đến khoảng đầu tháng 4/2016, Nguyễn Thị Thu H hứa với ông N là sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N và tiếp tục yêu cầu ông Trần Xuân N chuyển số tiền 125.000.000 đồng cho H thì ông N đồng ý. Số tiền này, H sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau khi đã giao đủ số tiền 425.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Thu H mà chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Trần Xuân N tiếp tục tìm gặp Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C yêu cầu thực hiện chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thì Trần Thị C đã nhiều lần viết Giấy nhận tiền, giấy bán đất để cho ông Trần Xuân N tin tưởng. Đến ngày 26/4/2016, Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị C và ông Trần Xuân N thống nhất viết giấy biên nhận tiền giữa ông Trần Xuân N, bà Nguyễn Thị N1 (vợ ông N) và Trần Thị C, số tiền 425.000.000 đồng, có Nguyễn Thị Thu H ký làm người chứng kiến có nội dung thể hiện hai bên thống nhất nội dung đã chuyển đủ số tiền 425.000.000 đồng cho chị Trần Thị C và chị Trần Thị C cam kết sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N và bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N trong tháng 5/2018.

Ngày 27/5/2016, Trần Thị C sử dụng số tiền 300.000.000 đồng mà H đưa, trả nợ ngân hàng và rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng về nhưng không giao cho ông Trần Xuân N mà khoảng 20 ngày sau lại tiếp tục đem cầm cố tại anh Thái Văn T4 (sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã L, huyện Đ). Việc thế chấp tại anh Thái Văn T4, Trần Thị C có thông báo và được sự đồng ý của Nguyễn Thị Thu H. Từ năm 2018 đến đầu năm 2021, ông Trần Xuân N đã nhiều lần tìm gặp Trần Thị C và Nguyễn Thị Thu H để yêu cầu thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Trần Thị C và Nguyễn Thị Thu H cố tình né tránh, hứa hẹn nhưng không thực hiện và do làm ăn thua lỗ nên Trần Thị C và Nguyễn Thị Thu H đã đi khỏi địa phương nên ông N không liên lạc được. Đến khoảng đầu năm 2021 thì Nguyễn Thị Thu H đã hai lần trao đổi với ông Trần Xuân N và thỏa thuận sẽ chuyển nhượng thửa đất cho người khác rồi sẽ trả cho ông N số tiền 650.000.000 đồng. Do đang cần tiền nên ông N đồng ý.

Để bán được thửa đất, khoảng tháng 4/2021, Trần Thị C cùng Nguyễn Thị Thu H thông qua giới thiệu của bà Trần Thị L1 (sinh năm 1966, trú: tại tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ) đã tìm gặp anh Trần Đình D1 (sinh năm 1995, trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) để nhờ anh D1 đi chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà anh Thái Văn T4 mà Trần Thị C đã thế chấp trước đó thì anh D1 đồng ý. Vào khoảng đầu tháng 4/2021, Trần Thị C và

Nguyễn Thị Thu H nhờ bà Trần Thị L1 chở xuống nhà anh Thái Văn T4 cùng anh Trần Đình D1 lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây, anh Trần Đình D1 đã đưa cho anh Thái Văn T4 số tiền 860.000.000 đồng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trần Thị C. Sau khi nhận đủ tiền, anh Thái Văn T4 đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trần Thị C và C đưa lại cho anh Trần Đình D1. Sau khi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra về, anh Trần Đình D1 và Trần Thị C, Nguyễn Thị Thu H đi đến quán C1 tại khu vực ngã tư T thuộc địa phận xã B, huyện Đ, Trần Thị C và anh Trần Đình D2 vào quán còn Nguyễn Thị Thu H cùng với bà Trần Thị L1 ngồi quán đối diện. Lúc này, Trần Đình D1 và Trần Thị C viết Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thể hiện trong thời hạn 15 ngày nếu Trần Thị C không trả số tiền 860.000.000 đồng cho anh D1 thì thửa đất này thuộc sở hữu của anh Trần Đình D1. Trần Thị C thống nhất viết giấy và ký, điểm chỉ vào hợp đồng. Sau khi làm xong hợp đồng, Trần Đình D1 đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trần Thị C. Sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 19/4/2021, Trần Thị C đi xóa nội dung đăng ký thế chấp tại ngân hàng trước đó. Ngày 06/5/2022 Trần Thị C được sự đồng ý của Nguyễn Thị Thu H đã bán thửa đất này cho chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1975 và anh Nguyễn Minh L2, sinh năm 1972 (cùng trú tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện Đ) với giá 910.000.000 đồng. Sau khi bán thửa đất, Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C không trả tiền cho ông Trần Xuân N như đã thỏa thuận mà sử dụng vào mục đích khác. Sau khi biết được Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C đã bán thửa đất nhưng không trả tiền cho mình như đã thỏa thuận thì Ông Trần Xuân N đã tìm gặp Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C yêu cầu trả tiền cho mình nhưng H và C không trả và đi khỏi địa phương.

Tại bản Kết luận giám định số 725/KL-KTHS ngày 21/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận:

Chữ viết, chữ ký đề tên Trần Xuân N, Nguyễn Thị N1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đề tên Trần Xuân N trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A4, A6 so với chữ viết, chữ ký của ông Trần Xuân N trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết có nội dung “Họ và Tên bà ...Bằng tiền mặt .. Đã cam kết” trên mẫu cần giám định A1; chữ viết có nội dung “Cộng hòa ...Giấy chuyển nhượng đất ...trước pháp luật” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4; chữ viết có nội dung “Cộng hòa ... Giấy bán đất ... Chồng là Trần Văn T2: SCM: 183106794” trên mẫu cần giám định ký hiệu A5; chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 (trừ phần dưới mục “Người bán nhận tiền”) so với chữ viết của Trần Xuân N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ ký dưới mục “Người làm chứng việc giao tiền” trên các mẫu giám định ký hiệu A2; chữ viết dưới mục “Người bán nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thu H trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết, ký viết ra.

Chữ viết, chữ ký đề tên Trần Thị C trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4, A5 so với chữ viết, chữ ký của Trần Thị C trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là do cùng một người viết, ký ra.

Chữ viết có nội dung “Trần Xuân N - Nguyễn Thị N1 ... 26/4/2016” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5 (trừ phần có nội dung “Cộng hòa ... Giấy bán đất: ...SCM: 183106794”) so với chữ viết của Trần Thị C trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là do cùng một người viết ra.

Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3; chữ viết có nội dung “Cộng hòa Giấy Cam đoan bán đất ở... Đức Thọ ngày 25/01/2017” trên mẫu cần giám định A4 so với chữ viết, chữ ký của Trần Xuân N, Trần Thị C và Nguyễn Thị Thu H so với mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không phải do ai trong số những người Trần Xuân N, Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị C viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HSST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 (*Áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Thị T5 Hoàn điểm b khoản 1 Điều 51*) Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Trần Thị C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 17/01/2023.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 23/11/2022.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 579 , khoản 1 Điều 580, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Xử buộc bị cáo Trần Thị C phải bồi thường cho bị hại Trần Xuân N 195 triệu đồng.

Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Thị C phải nộp 9.750.000đ án phí dân sự. Miễn án phí cho bị hại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/3/2023, bị cáo Trần Thị C làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, ngày 29/3/2023 bị cáo Nguyễn Thị Thu H kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, ngày 30/3/2023 bị hại ông Trần Xuân N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo, bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị C, bị hại Trần Xuân N, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị C 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 17/01/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Thu H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 23/11/2022.

Các bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, bị hại trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2021, Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ QH, diện tích 160m² của Nguyễn Thị Thu H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị C, Trần Văn T2), có địa chỉ tại vùng QH T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) cho ông Trần Xuân N (trú tại tổ dân phố Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) với giá 425.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, mặc dù có điều kiện để chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho ông Trần Xuân N nhưng Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị C không làm thủ tục chuyển nhượng cho ông N mà lại đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố cho người khác, sau đó chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị H4 và anh Nguyễn Minh L2 và cũng không trả tiền cho ông Trần Xuân N mà chiếm đoạt số tiền 425.000.000 đồng của ông N để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, cả hai bị cáo đều là người thực hành, trong đó Trần Thị C trực tiếp chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chiếm đoạt số tiền 125.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử bị cáo Trần Thị C và Nguyễn Thị Thu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị C, Nguyễn Thị Thu H và bị hại Trần Xuân N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng thủ đoạn gian dối, các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, sau khi nhận được toàn bộ số tiền bán đất 425.000.000 đồng thì theo hợp đồng các bị cáo phải làm đầy đủ thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho bị hại, mặc dù có đầy đủ điều kiện và thời gian để thực hiện việc chuyển nhượng nhưng các bị cáo đã không thực hiện mà sau khi nhận được tiền các bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bị hại, hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh đối

với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường 200.000.000 đồng cho bị hại, tự nguyện giúp đỡ các bạn khuyết tật tại thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xem xét giảm nhẹ của cha xứ, đơn trình bày hoàn cảnh nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo C đã tự nguyện bồi thường 30.000.000 đồng cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn; bị cáo H có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt của Giáo xứ Nghĩa Yên - Giáo phận H5; các bị cáo ăn năn hối cải, chủ động khắc phục hậu quả, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Trần Xuân N số tiền 225.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo H đã bồi thường cho bị hại là 425.000.000 đồng; bị cáo C bồi thường cho bị hại ông Trần Xuân N số tiền 70.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo C bồi thường cho bị hại là 100.000.000 đồng. Ngày 10/7/2023, ông Trần Xuân N có đơn xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo. Do đó cần áp dụng cho bị cáo Trần Thị C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo C và H được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, tại cấp phúc thẩm có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, bị hại ông Trần Xuân N và một phần kháng cáo của bị cáo H, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo, bị hại được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị C và bị hại Trần Xuân N, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H; Sửa bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị C 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 17/01/2023.

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Thu H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến ngày 23/11/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí của Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị C, bị hại Trần Xuân N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VT, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng